

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HSST
Ngày 11 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hòa

2. Bà Ly Giờ Gụ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý – Thư ký tòa án nhân dân huyện B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến
– Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2024 tại Nhà văn hóa đa năng xã Bản Qua, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Giàng A; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 15/06/1999 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Con ông Giàng A Sủ và bà Lầu Thị Pồ. Bị cáo chưa có vợ con. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/08/2023 đến ngày 11/08/2023; Tạm giam từ ngày 11/08/2023. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Thương – sinh năm 1978

Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người bị hại:

Anh Trần Văn D - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn B – sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Anh Sùng A – sinh năm 2007

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

Người giám hộ cho người làm chứng Sùng A: Ông Sùng T - sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 09 giờ ngày 04/8/2023, Giàng A đi xe ôm của Trần Văn D từ Bến xe trung tâm thành phố L về thôn Phìn Hồ, xã Y, huyện B, thỏa thuận giá 600.000 đồng về đến nơi Giàng A sẽ gọi cho bạn Sùng A ra trả tiền. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn D chở Giàng A gần đến ngã ba rẽ Thôn T, xã Y, huyện B. Giàng A nói với Trần Văn D gần đến rồi, đồng thời mượn điện thoại của Trần Văn D gọi nhưng Sùng A không nghe máy nên trả lại điện thoại cho Trần Văn D. Lúc này, Giàng A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của Trần Văn D nên chỉ cho Trần Văn D chở Giàng A vào đường mòn thôn Phan Cán Sứ cũ, xã Y, huyện B, đi được khoảng 200 mét, do đường xấu nên cả hai đi bộ, khi đi được khoảng 300m, đến đoạn đường đi xuống dốc thì Giàng A mượn điện thoại Trần Văn D gọi cho Sùng A nhưng không liên lạc được. Lợi dụng Trần Văn D đi trước còn Giàng A đi sau, Giàng A tay trái cầm điện thoại, còn tay phải đẩy mạnh vào phía sau lưng Trần Văn D, Trần Văn D bị trượt ngã lao về phía trước khoảng 5 đến 6 mét. Giàng A cầm chiếc điện thoại bỏ chạy xuống rừng cây bên ta luy âm. Chạy được khoảng 200 mét, không thấy Trần Văn D đuổi theo, Giàng A quay lại tìm được dép rồi đi bộ từ thôn Phan Cán Sứ về chợ xã Y. Trên đường đi, Giàng A tháo thẻ Sim của điện thoại vừa chiếm đoạt được vứt xuống suối. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Giàng A đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của Hoàng Văn B và bán điện thoại cho Hoàng Văn B với giá 800.000 đồng. Giàng A cầm tiền đi chơi điện tử. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì lực lượng Công an xã Y phát hiện và đưa Giàng A về trụ sở Công an xã Y để làm việc. Tại đây, Giàng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 665.000 đồng là tiền bán chiếc điện thoại còn lại.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL.HĐĐGTS ngày 19 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định giá trị tài sản gồm: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu IPHONE 7PLUS, đã qua sử dụng trị giá 3.500.000 đồng; 01 sim VIETTEL số thuê bao 0982.854.633 đã qua sử dụng, trị giá là 50.000 đồng.

Đối với 01 Sim VIETTEL số thuê bao 0982.854.633 trong điện thoại Trần Văn D sau khi chiếm đoạt được điện thoại, trên đường đi về xã Y, Ca đã tháo thẻ sim vứt xuống dòng suối thuộc thôn Phan Cán Sứ, xã Y, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ lại được.

Ngày 31/08/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả tài sản cho bị hại anh Trần Văn D là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen đã qua sử dụng, sau khi nhận lại tài sản anh Trần Văn D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với anh Hoàng Văn B là người đã mua chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen của Giàng A với giá 800.000đồng là tài sản do bị cáo Giàng A phạm tội mà có nhưng Hoàng Văn B không biết chiếc điện thoại trên do Giàng A phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không đề cập xử lý Hoàng Văn B là phù hợp.

Đối với số tiền 665.000 đồng là tiền bán chiếc điện thoại còn lại thu giữ của Giàng A là số tiền bị cáo bán chiếc điện thoại cho Hoàng Văn B. Ngày 27/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả cho Hoàng Văn B số tiền 665.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền anh Hoàng Văn B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, số tiền còn thiếu là 135.000đồng Hoàng Văn B cho bị cáo không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Sùng A quá trình điều tra không biết và cũng không trao đổi gì với Giàng A về hành vi phạm tội của Giàng A nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn D đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số 69/CT-VKSTPLC ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Giàng A về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 – Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố là theo khoản 1 Điều 168 – Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Giàng A phạm tội “ Cướp tài sản”, xử phạt bị cáo với mức án từ 03(Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Giàng A

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn D đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Giàng A là bà Phạm Thị Thương trình bày lời bào chữa: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, với độ tuổi còn trẻ, hiểu biết, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên có hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm h,s khoản 1 Điều

51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Xử phạt bị cáo Giàng A mức án 02 (Hai) năm tù để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Giàng A thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận của UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng hơn 09 giờ ngày 04/8/2023, Giàng A đi xe ôm của Trần Văn D từ Bến xe trung tâm thành phố L về thôn Phìn Hồ, xã Y, huyện B, thỏa thuận giá 600.000 đồng về đến nơi Giàng A sẽ gọi cho bạn Sùng A ra trả tiền. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn D chở Giàng A gần đến ngã ba rẽ Thôn T, xã Y, huyện B. Giàng A nói với Trần Văn D gần đến rồi, đồng thời mượn điện thoại của Trần Văn D gọi nhưng Sùng A không nghe máy nên trả lại điện thoại cho Trần Văn D. Lúc này, Giàng A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của Trần Văn D nên chỉ cho Trần Văn D chở Giàng A vào đường mòn thôn Phan Cán Sủ cũ, xã Y, huyện B, đi được khoảng 200 mét, do đường xấu nên cả hai đi bộ, khi đi được khoảng 300m, đến đoạn đường đi xuống dốc thì Giàng A mượn điện thoại Trần Văn D gọi cho Sùng A nhưng không liên lạc được. Giàng A đã đẩy mạnh phía sau lưng anh Trần Văn D, anh Trần Văn D trượt ngã lao về phía trước 5-6m để chiếm đoạt chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu IPHONE 7PLUS trị giá 3.550.000 đồng của anh Trần Văn D. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Cướp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 – Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện B là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh

hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm trước pháp luật, có mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng ,giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Giàng A. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Xử phạt bị cáo Giàng A mức án 02 (Hai) năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự gây thiệt hại không lớn là không phù hợp và đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Văn Ca 02 (Hai) năm tù là nhẹ so với tính chất mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn D đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Giàng A thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận của UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo Giàng A được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Giàng A phạm tội “ Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Giàng A 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 05/08/2023.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo Giàng A được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh,
- VKS huyện B
- THA dân sự;
- PC 10;
- CA Huyện BX 3;
- Bị cáo; bị hại;
- người bào chữa
- Lưu HS – TA, THA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thanh Hương